

Số: 100 /2015/TT-BTC

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2015

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn về phát hành trái phiếu chính quyền địa phương
tại thị trường trong nước**

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 01/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương;

Căn cứ Nghị định số 79/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về nghiệp vụ quản lý nợ công;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn về phát hành trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường trong nước.

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn về việc phát hành trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường trong nước.

2. Đối tượng áp dụng Thông tư này gồm Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức và cá nhân có liên quan đến phát hành trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường trong nước.

Điều 2. Chủ thể phát hành

Chủ thể phát hành trái phiếu chính quyền địa phương là Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

Điều 3. Mục đích phát hành

Trái phiếu chính quyền địa phương được phát hành để đầu tư cho các chương trình, dự án thuộc đối tượng quy định tại Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 01/2011/NĐ-CP ngày 05/01/2011 của Chính phủ về phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương (sau đây gọi tắt là Nghị định số 01/2011/NĐ-CP).

Điều 4. Điều kiện phát hành trái phiếu

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện phát hành trái phiếu chính quyền địa phương quy định tại Điều 39 Luật Quản lý nợ công và Điều 24 Nghị định số 01/2011/NĐ-CP.

Điều 5. Điều khoản của trái phiếu

Ngoài các điều khoản và điều kiện trái phiếu được quy định tại Điều 6 Nghị định số 01/2011/NĐ-CP, chủ thể phát hành còn phải tuân thủ các quy định sau:

1. Kỳ hạn trái phiếu

Trái phiếu chính quyền địa phương có kỳ hạn từ 1 năm trở lên. Kỳ hạn cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định, phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn và điều kiện thị trường.

2. Mệnh giá trái phiếu

Trái phiếu chính quyền địa phương có mệnh giá là một trăm nghìn (100.000) đồng. Các mệnh giá khác của trái phiếu chính quyền địa phương là bội số của một trăm nghìn (100.000) đồng.

3. Khối lượng phát hành trái phiếu

Khối lượng phát hành từng đợt do chủ thể phát hành quyết định căn cứ vào nhu cầu sử dụng vốn của địa phương, khả năng huy động vốn trên thị trường và phải nằm trong hạn mức phát hành đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt quy định tại Thông tư này.

4. Lãi suất phát hành

Lãi suất phát hành trái phiếu chính quyền địa phương do chủ thể phát hành quyết định cho từng đợt phát hành nhưng không được vượt quá khung lãi suất do Bộ Tài chính quy định theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

CHƯƠNG II

PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Điều 6. Xây dựng và phê duyệt đề án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương

1. Khi có nhu cầu huy động vốn thông qua việc phát hành trái phiếu chính

quyền địa phương để đầu tư vào các dự án phát triển kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh hoặc các dự án có khả năng hoàn vốn tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng đề án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương cho từng năm ngân sách để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

2. Đề án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương nêu tại Khoản 1 Điều này bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Mục đích phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo quy định tại Điều 3 Thông tư này, cụ thể:

- Đầu tư vào dự án đầu tư phát triển kinh tế xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh; hoặc
- Đầu tư vào dự án có khả năng hoàn vốn; hoặc
- Trường hợp đầu tư vào cả dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh và dự án có khả năng hoàn vốn, Đề án phải nêu rõ khối lượng trái phiếu dự kiến phát hành cho từng mục đích.

b) Thông tin về danh mục các dự án đầu tư được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt dự kiến sử dụng nguồn vốn phát hành trái phiếu, bao gồm: tên các dự án; quyết định đầu tư của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; nguồn vốn thực hiện dự án; loại hình dự án (dự án đầu tư phát triển kinh tế xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh hoặc dự án có khả năng hoàn vốn).

c) Báo cáo thẩm định đánh giá về khả năng hoàn vốn của dự án (đối với dự án có khả năng hoàn vốn).

d) Dự kiến điều kiện, điều khoản của trái phiếu chính quyền địa phương bao gồm: khối lượng; kỳ hạn; mệnh giá; đồng tiền phát hành; lãi suất phát hành trái phiếu; cam kết của tổ chức phát hành đối với chủ sở hữu trái phiếu về việc đảm bảo quyền lợi của chủ sở hữu trái phiếu theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 01/2011/NĐ-CP; điều khoản mua lại, hoán đổi trái phiếu chính quyền địa phương (nếu có).

đ) Dự kiến thời gian và phương thức phát hành trái phiếu chính quyền địa phương.

e) Tình hình huy động và trả nợ gốc, lãi vốn huy động từ tất cả các nguồn của ngân sách cấp tỉnh trong 03 năm ngân sách liền kề trước năm ngân sách dự kiến phát hành theo từng hình thức huy động vốn bao gồm: dư nợ huy động vốn tại thời điểm đầu năm ngân sách; tổng huy động vốn trong năm; tình hình trả nợ gốc lãi các khoản huy động vốn trong năm; nguồn thanh toán nợ gốc, lãi các khoản huy động vốn trong năm (từ ngân sách hoặc nguồn thu của dự án); dư nợ huy động vốn tại thời điểm kết thúc năm ngân sách và tại thời điểm xây dựng đề án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương.

g) Tổng hạn mức huy động vốn tối đa được phép huy động của ngân sách cấp tỉnh tại thời điểm xây dựng đề án theo quy định tại Luật ngân sách Nhà

nước, Luật quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn.

h) Phương án bố trí nguồn vốn thanh toán lãi trái phiếu hàng năm và gốc trái phiếu khi đến hạn.

i) Dự kiến các thông tin cung cấp cho nhà đầu tư trước đợt phát hành trái phiếu theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

3. Đề án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương phải được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt. Trường hợp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt chủ trương, hạn mức huy động vốn và giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt đề án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương thì các nội dung này phải được nêu rõ trong Nghị quyết do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định tại Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân và Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02/4/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân.

Điều 7. Chấp thuận đề án phát hành trái phiếu của Bộ Tài chính

1. Sau khi Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đề án phát hành trái phiếu theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Thông tư này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi hồ sơ đề nghị phát hành trái phiếu chính quyền địa phương cho Bộ Tài chính xem xét, có ý kiến trước khi tổ chức phát hành. Hồ sơ gửi Bộ Tài chính bao gồm:

a) Văn bản đề nghị phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo mẫu tại Phụ lục 1 đính kèm Thông tư này.

b) Đề án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư này.

c) Văn bản phê duyệt đề án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương của Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Thông tư này.

d) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt dự toán ngân sách cấp tỉnh của năm dự kiến phát hành trái phiếu, trong đó nêu rõ tổng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong nước.

đ) Danh mục các dự án đầu tư phát triển kinh tế xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh trong kế hoạch năm (05) năm đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt dự kiến sử dụng nguồn vốn từ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương.

2. Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại Khoản 1 Điều này, trong vòng hai mươi (20) ngày làm việc, Bộ Tài chính xem xét, có ý kiến đối với đề án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương. Nội dung xem xét, có ý kiến gồm:

a) Điều kiện phát hành trái phiếu;

b) Phương án phát hành trái phiếu;

c) Hạn mức huy động vốn được phép của ngân sách cấp tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn;

d) Khối lượng tối đa được phép phát hành trái phiếu (đối với các dự án có khả năng hoàn vốn tại địa phương).

3. Bộ Tài chính thông báo ý kiến bằng văn bản đối với đề án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều này để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức phát hành trái phiếu theo quy định tại Thông tư này. Trường hợp không đủ điều kiện được phát hành, Bộ Tài chính thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Mục 1

PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Điều 8. Công bố thông tin trước đợt phát hành

1. Chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức đấu thầu trái phiếu hoặc chậm nhất mười (10) ngày làm việc trước ngày tổ chức phát hành trái phiếu theo phương thức bảo lãnh, đại lý phát hành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm công bố những thông tin cơ bản về đợt phát hành trái phiếu chính quyền địa phương trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, hoặc của Sở Tài chính hoặc của tổ chức được ủy quyền thực hiện nghiệp vụ phát hành trái phiếu hoặc của Sở Giao dịch Chứng khoán nơi tổ chức đấu thầu.

2. Nội dung công bố thông tin theo quy định tại Khoản 1 Điều này gồm:

a) Chủ thể phát hành trái phiếu.

b) Mục đích phát hành trái phiếu.

c) Điều kiện, điều khoản của trái phiếu (gồm: khối lượng; kỳ hạn; mệnh giá; phương thức thanh toán gốc, lãi; điều khoản mua lại, hoán đổi trái phiếu (nếu có)).

d) Thời gian, phương thức phát hành trái phiếu.

đ) Nguồn dự kiến trả nợ gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn.

e) Danh mục dự án dự kiến sử dụng nguồn vốn phát hành trái phiếu, trong đó nêu rõ dự án đầu tư phát triển kinh tế xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh; hoặc dự án có khả năng thu hồi vốn.

g) Tình hình huy động vốn và trả nợ gốc, lãi của ngân sách cấp tỉnh trong 3 năm ngân sách liền kề trước năm ngân sách phát hành trái phiếu từ tất cả các nguồn, bao gồm cả nguồn huy động vốn qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương (nếu có); dư nợ của ngân sách cấp tỉnh từ tất cả các nguồn tại thời điểm dự kiến phát hành trái phiếu.